TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 06 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lành
2. Ông Thạch Trường Quân
3. Ông Nguyễn Văn Bé Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Hoài T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn G và bà Dương Thị Kim T1; có vợ Lý Ngọc D và 01 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Hoài T:* ông Nguyễn Hoàng A, Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Vương Khả T2, sinh năm: 1978; nơi cư trú: 158 DE, Phan Văn N, khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. Chị Lý Ngọc D, sinh năm: 1995; nơi cư trú: khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Chim Thị Thu T3, sinh năm: 1989; nơi cư trú: số B, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3. Đặng Hoàng T4, sinh năm: 1985; nơi cư trú: số B, khu vực Bình Thường A, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

4. Trần Quang K, sinh năm: 1964. (vắng mặt)

5. Trương Thị S, sinh năm: 1969. (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ E, khóm C, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Hoài T là người làm công của tiệm V do chị Vương Khả T2 làm chủ được hơn 12 năm; tiệm V có 02 cơ sở kinh doanh, thường gọi là tiệm V và Kim M 2 cùng tại khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo T được chị T2 giao nhiệm vụ đi giao dịch mua, bán vàng cả 02 tiệm với các tiệm vàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Vào khoảng 14 giờ ngày 05/6/2024 tại tiệm V địa chỉ: khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, chị T2 đưa cho bị cáo T 02 thỏi vàng 24k đem đến tiệm V1 địa chỉ: số A, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ để bán (do trước đây chị T2 đã nhiều lần đưa vàng cho bị cáo T đem qua đây bán). Bị cáo T nhận 02 thỏi vàng từ chị T2 rồi một mình đi xe mô tô đến tiệm V1. Khi đến tiệm V1 bị cáo gặp nhân viên là chị Chim Thị Thu T3, bị cáo đưa 02 thỏi vàng 24k cho chị T3 kiểm tra và cân trọng lượng của vàng. Sau đó, thông báo cho bị cáo T biết 02 thỏi vàng có tổng trọng lượng là 11 lượng 5 chỉ 7 phân 9 ly 7, giá mua vào là 72.500.000đ/01 lượng. Tổng cộng tiền bán 02 thỏi vàng này là 839.528.000 đồng, bị cáo T đồng ý bán.

Trước đây, bị cáo T có quen người bạn gái tên N1 (không rõ địa chỉ) trên mạng, kêu bị cáo T đầu tư tài chính sinh lời trên mạng Internet nên thiếu tiền. Khi nhận được tiền bán vàng, bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này của chị T2 để đầu tư tiếp trên mạng Internet nên bị cáo Thương yêu C chị T3 chuyển

200.000.000 đồng tiền bán vàng vào tài khoản số 7307205087310 của bị cáo T tại ngân hàng A1 và đưa 639.528.000 đồng tiền mặt cho bị cáo T.

Khi nhận được tiền mặt 639.528.000 đồng, bị cáo T đem số tiền này đến tiệm V2 địa chỉ: số D đường N, phường T, Quận N, thành phố Cần Thơ gặp anh Đặng Hoàng T4, nơi cư trú: số B, khu vực B, quận B, thành phố Cần Thơ, bị cáo T nhờ anh T4 lấy tiền của anh T4 chuyển vào tài khoản 7307205087310 của bị cáo tại Ngân hàng A1 số tiền 250.000.000 đồng và bị cáo T đưa lại 250.000.000 đồng tiền mặt cho anh T4.

Lúc này, trong tài khoản của bị cáo T có số tiền 450.000.000 đồng tiền bán vàng của chị T4, bị cáo T sử dụng số tiền này chuyển khoản vào tài khoản số 5661031320 tại ngân hàng T5 của Lê Thị Hồng Á (không rõ địa chỉ và không làm việc được) để đầu tư tiếp trên mạng. Số tiền mặt bán vàng còn lại 389.528.000 đồng, bị cáo T điều khiển xe mô tô về nhà cô ruột tên Trương Thị S, cư trú tại tổ E, khóm C, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; để gửi bà S giữ dùm, nhưng khi đến nhà thì không gặp bà S nên bị cáo T gửi số tiền này cho chồng bà S là ông Trần Quang K cất dùm để hôm sau bị cáo T đến lấy đầu tư trên mạng tiếp. Sau khi gửi tiền xong, bị cáo T về tiệm V gặp chị T4 báo là "khi bán vàng xong, trên đường đem tiền về qua cầu C, vào khu H đi đường tắt về thì bị 2-3 người chặn xe dùng dao kề vào cổ và xịt thuốc gì vào mặt làm bất tỉnh, lấy mất tiền bán vàng" chị T4 tin là thật nên nhờ người chở bị cáo T đến Công an trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, bị cáo T nhận thức sai phạm của mình nên tự thú tại Cơ quan điều tra và khai rõ hành vi phạm tội của mình là khi bán vàng xong do cần tiền đầu tư trên mạng Internet mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bán vàng của chị T4, dựng chuyện bị cướp nhằm chiếm đoạt tiền của chị T4.

Đối với ông Trần Quang K và bà Trương Thị S, khi nhận giữ tiền của bị cáo T không biết tiền do bị cáo T phạm tội mà có và bà S đã tự giác nộp trả lại số tiền 389.528.000 đồng này cho chị T4 nên cơ quan chức năng không xử lý.

Đối với chị Chim Thị Thu T3, anh Đặng Hoàng T4 khi chuyển tiền dùm bị cáo T không biết tiền do bị cáo T phạm tội mà có nên cơ quan chức năng không xử lý.

Đối với các đối tượng tên N1, bị cáo T quen qua mạng xã hội, hướng dẫn đầu tư sinh lợi trên không gian mạng, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý riêng.
Đối với Lê Hồng Á chủ tài khoản Ngân hàng T6 số 5661031320 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T trong việc chiếm đoạt tiền của chị T4 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo và chị T4 đã thỏa thuận xong, chị T4 không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT-VKSVL-P1 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố Trương Hoài T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo: bị cáo Trương Hoài T thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị hại Vương Khả T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng lời khai có tại hồ sơ thể hiện, về trách nhiệm dân sự, bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong, chị T2 không yêu cầu giải quyết, về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên nhận định nội dung mà Cáo trạng Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố bị cáo Trương Hoài T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là đủ căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo T là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của chị T2 giao vàng cho bị cáo đi bán sau khi bán vàng lấy tiền, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 839.528.000 đồng nhằm mục đích đầu tư sinh lời trên mạng Internet nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi bị cáo phạm tội xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đến cơ quan công an tự thú, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong và bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s và r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Hoài T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s và r khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T mức án từ 06 năm đến 08 năm tù.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Luật sư Nguyễn Hoàng A bào chữa cho bị cáo T trình bày: Về tội danh, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm như Cáo trạng đã nêu nên luật sư thống nhất Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Về các tình tiết giảm nhẹ, luật sư thống nhất Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét thêm các tình tiết bị cáo là người có nhân thân tốt nhưng vì nhất thời ham lợi mà vi phạm pháp luật, bị cáo có con nhỏ đề nghị xem xét cho bị cáo sớm về với gia đình. Về trách nhiệm dân sự: gia đình và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho bị cáo mức án 06 năm tù để bị cáo được sớm về với gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo rất ân hận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về gia đình để làm việc kiếm tiền phụ gia đình và nuôi con, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trương Hoài T: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận, bị cáo là nhân viên của tiệm V do chị Vương Khả T2 làm chủ. Khoảng 14 giờ ngày 05/6/2024, chị T2 đưa cho bị cáo 02 thỏi vàng 24K đem đến tiệm V1 để bán, khi đến tiệm V1 bị cáo giao chị T3 là nhân viên của tiệm V1 để kiểm tra và bán được số tiền 839.528.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T2 để đầu tư tài chính sinh lời trên mạng Internet nên bị cáo nhờ chị T3 chuyển số tiền 200.000.000 đồng, anh T2 chuyển 250.000.000 đồng vào tài khoản số 7307205087310 của bị cáo T tại ngân hàng A1, số tiền còn lại 389.528.000 đồng bị cáo nhờ bà S và ông K cất giữ. Sau đó, bị cáo về báo lại với chị T2 là bị cướp mất số tiền bán vàng được, chị T2 tin là thật nên yêu cầu bị cáo đi trình báo sự việc. Xét lời khai của bị cáo Trương Hoài T tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, nội dung Cáo trạng, lời khai của bị hại, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 839.528.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, Cáo trạng số:

55/CT-VKSVL-P1 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trương Hoài T đã thực hiện là có lỗi cố ý, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vẫn quyết tâm thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật. Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại nên đã có hành vi gian dối, đưa ra các thông tin không đúng và dựng chuyện không có thật nhằm chiếm đoạt của bị hại số tiền 839.528.000 đồng mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: trước khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình; trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được áp dụng quy định khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận giải quyết xong, bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với ông Trần Quang K và bà Trương Thị S, khi nhận giữ tiền của bị cáo T không biết tiền do bị cáo T phạm tội mà có và bà S đã tự giác nộp trả lại số tiền 389.528.000 đồng này cho chị T2 nên cơ quan chức năng không xử lý.

[7] Đối với chị Chim Thị Thu T3, anh Đặng Hoàng T4 khi chuyển tiền dùm bị cáo T không biết tiền do bị cáo T phạm tội mà có nên cơ quan chức năng không xử lý.

[8] Đối với các đối tượng tên N1, bị cáo T quen qua mạng xã hội, hướng dẫn đầu tư sinh lợi trên không gian mạng, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý riêng.

[9] Đối với Lê Hồng Á chủ tài khoản Ngân hàng T6 số 5661031320 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T trong việc chiếm đoạt tiền của chị T4 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[10] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[11] Lời bào chữa của luật sư là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về án phí: bị cáo Trương Hoài T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Hoài T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Hoài T 06 (sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2024.

2. Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Hoài T phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại; báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKS TVL: 02;
- THADS TVL: 02;
- THA HSTVL: 01;
- STP: 01;
- VPĐT CAVL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ CAVL: 01;
- TG + BC: 03;
- BH: 01;
- NBC: 02;
- UBND, CA xã P: 02;
- Lưu Văn phòng; phòng KTNV: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung